

Bản án số: 297/2021/HC-PT

Ngày 20 tháng 5 năm 2021.

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 120/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 818/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Đào Thị Anh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Anh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2020): Ông Đào Xuân N, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Đào Xuân N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Đào Thị Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của bà Đào Thị Anh T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Đào Xuân N trình bày:* Năm 1986 cha mẹ bà T là ông Đào Xuân N và bà Phạm Thị X khai hoang khu đất khoảng 3.000m², khu đất này là vành đai khu căn cứ của chế độ cũ. Lúc đó, khu đất bỏ hoang vẫn còn kìm gai, cọc sắt và cỏ mọc nên cha mẹ bà T đã đến khai hoang, có xin phép Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) huyện Đ, tỉnh B để xây dựng nhà máy xay xát lúa có giấy phép kinh doanh năm 1986, môn bài năm 1986. Đến năm 1995 cha mẹ bà T chuyển sang nghề chế biến cà phê và mở quán bán cà phê cho đến nay. Gia đình bà T có 15 nhân khẩu bao gồm cha mẹ, các anh, chị, em và vợ chồng, con bà T không còn khu đất nào khác ngoài khu đất đang sinh sống nên cha mẹ bà T cắt chia cho mỗi người con còn một lô trên phần đất đó và đã xây nhà ở từ năm 1986 đến năm 1990 được UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc nhà và đất.

Năm 1982, Sư đoàn 477 nhận bàn giao làm trường huấn luyện phía trong sân bay gần ấp 4 Bàu Ao cách khu đất gia đình bà T sinh sống khoảng 2km. Năm 1991 giao Trung đoàn 271, Kho K9, tiểu đoàn D60 quản lý, sử dụng nhưng lấy từ sân bay ra 50 mét, khi đó đã cắm mốc nội ô, đào mương, xây tường tại vị trí này. Hiện các cột mốc và tường xây vẫn còn, tính từ cột mốc đến khu đất nhà bà T khoảng 200 mét. Khi UBND huyện G thực hiện việc thu hồi đất để giao đất cho Trung đoàn 271 - Bộ tư lệnh Quân khu 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương và bồi thường, hỗ trợ cho bà T số tiền 101.239.600 đồng. Không đồng ý, bà T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện G và được Chủ tịch UBND huyện G giải quyết tại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018, nội dung bác đơn khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 với nội dung bác khiếu nại của bà T, công nhận Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

Bà T cho rằng việc đền bù cho bà T là chưa đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T bởi những lý do: UBND huyện G xác nhận khu đất mà gia đình bà T đang sinh sống là do cha mẹ bà T khai hoang từ năm 1986 nên đã cấp phép cho xây dựng nhà và cấp phép kinh doanh ngành nghề 33 năm nay có nghĩa là cha mẹ bà T không lấn chiếm đất quốc phòng, được đăng ký hộ khẩu tại phần đất này, chưa bao giờ bị chính quyền địa phương lập biên bản xử phạt việc lấn chiếm đất và yêu cầu tháo dỡ nhà, công trình trên đất nên bà T đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong 162 hộ dân bị giải tỏa có nhiều thành phần khác nhau: Khoảng 05 hộ khai hoang từ năm 1986 đến năm 1992, một số hộ xây dựng vài năm nay, một số hộ mới đến xây dựng có biên bản vi phạm, một số hộ được bồi thường nhưng được bồi thường lần hai.

Do đó, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc “giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu)” và hủy Quyết định số 2737/QĐ-UBND

ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G (lần hai)” và nâng giá bồi thường về đất theo quy định.

- *Tại Văn bản số 1012/UBND-NC ngày 08/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:* Khu đất bị giải tỏa của gia đình bà Đào Thị Anh T, có diện tích là 499,2m² thuộc một phần thửa đất số 01, 137, tờ bản đồ số 35, 36, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện giải tỏa trắng do nằm trong khu quy hoạch thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G. Khu đất có nguồn gốc là căn cứ của chế độ cũ được Quân đoàn 4 tiếp quản; Năm 1982 Lữ đoàn 477 nhận bàn giao làm nơi huấn luyện và tháng 11/1991 giao lại cho Trung đoàn BB271, Kho K9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng.

Việc Bà T yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Anh T; nâng giá bồi thường về đất bị thu hồi là không có cơ sở. Vì khu đất giải tỏa, thu hồi đất của gia đình bà T có nguồn gốc đất quốc phòng do bà T sử dụng từ năm 1986, năm 1990 cất nhà ở và năm 2006 cho bà T sử dụng đến nay, không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất, được hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện G tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Đối với yêu cầu nâng tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ từ 30% lên 80% theo đơn giá xây dựng đối với 04 căn nhà tạm C, với tổng diện tích là 22,96m² là không có cơ sở. Vì qua xác minh 04 căn nhà tạm C trên của gia đình bà T xây dựng năm 2006; căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND và điểm b.1 khoản 3 mục II Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, quy định “Nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng xây dựng trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, được hỗ trợ 80% theo đơn giá xây dựng được quy định” và Công văn số 1036/HĐBTHT&TĐC ngày 14/11/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện G, các căn nhà tạm C bị giải tỏa của bà T chỉ được hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh quy định. Do đó UBND huyện G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Tại Văn bản ngày 08/6/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:*

Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện G tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện G có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện

tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng.

Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện G, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện G để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ bà Đào Thị Anh T).

Ngày 10/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Căn cứ để xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Công trình, gồm: Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, theo đó: Không bồi thường, chỉ hỗ trợ về đất 48.000 đồng/m²; Hỗ trợ nhà ở: Xây dựng trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 80%, xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 30%, kể cả 10 trường hợp có quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo điểm b, c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi).

Việc bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G và yêu cầu bồi thường 499,2m² đất bị thu hồi; nâng mức hỗ trợ về nhà ở từ 80% lên 100% theo đơn giá quy định đối với căn nhà diện tích 22,4m² thuộc Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G là không có cơ sở xem xét, giải quyết, bởi vì: Phần đất diện tích 499,2m² mà bà Đào Thị Anh T đang khiếu nại thuộc khu đất có tổng diện tích sử dụng 2.495,7m, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 (bà T được cha là ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006), có nguồn gốc là đất quốc phòng, bị các hộ dân xâm canh chiếm dụng. Phần đất này hiện nay nằm trong phạm vi giải tỏa, thu hồi đất để giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G;

Quá trình sử dụng đất, ông Đào Xuân N (cha bà Đào Thị Anh T) có thực hiện việc kê khai, đăng ký diện tích đất 1.989m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 tại Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Phước Vĩnh xác nhận năm 2001; Tuy nhiên, hai loại giấy tờ trên không thuộc các loại giấy tờ làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông Đào Xuân N không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất trên do không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Đối với nhà tạm B, diện tích 22,4m²: Căn nhà này do ông Đào Xuân N xây dựng từ năm 1986, đến năm 2006 giao lại cho bà Đào Thị Anh T sử dụng. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, thì việc UBND huyện G hỗ trợ theo tỷ lệ 80% đơn giá quy định đối với căn nhà nói trên cho bà Đào Thị Anh T, là phù hợp quy định pháp luật (xây dựng trước ngày 01/7/2004).

Trường hợp của bà Đào Thị Anh T (được ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006) không đủ điều kiện để được bồi thường về nhà, đất. Việc UBND huyện G hỗ trợ 48.000đồng/m² đối với đất; hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà tạm B, nhà tạm C; 30% đơn giá xây dựng đối với 04 nhà tạm C; hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho bà Đào Thị Anh T, là đúng theo phương án đã được phê duyệt nhằm hỗ trợ cho người dân ổn định cuộc sống.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T tại Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, là đúng quy định pháp luật.

Do đó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị Anh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số số 46/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Anh T đối với các yêu cầu sau:

1. Hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu).

2. Hủy Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của Đào Thị Anh T; về án phí hành chính sơ thẩm án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/11/2020 ông Đào Xuân N đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Đào Thị Anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bồi thường về đất theo quy định của pháp luật và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện Đào Thị Anh T có ông Đào Xuân N làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để bồi thường về đất theo quy định của pháp luật và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất.

- Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đào Xuân N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Đào Thị Anh T là hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu) và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[4.1] Về Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Xét Quyết định hành chính số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu) và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[4.2] Về căn cứ ban hành quyết định:

Xét nguồn gốc đất diện tích 499,2m² thuộc một phần thửa đất số 01, 137 tờ bản đồ số 35, 36 tọa lạc tại tổ 3, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là căn cứ quân sự của chế độ cũ để lại được Lữ đoàn 477 tiếp quản đất quân sự và có văn bản trình UBND tỉnh B cấp đất để huấn luyện và phòng thủ khu

vực. Ngày 12/03/1983 UBND tỉnh B cấp giấy phép sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Quân khu 7, tọa lạc tại xã Phước Vĩnh, huyện Đ, tỉnh B để xây dựng doanh trại quân đội. Năm 1986 có gia đình ông Đào Xuân N và một số hộ dân khác đến lấn chiếm sử dụng.

Ngày 15/7/1997 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 535/TTg-m phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7. Ngày 26/11/2013 UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện G tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương; UBND huyện G có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng. Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện G, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện G để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N). Ngày 10/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G.

Như vậy có căn cứ xác định phần đất 499,2m² của bà T có nguồn gốc là đất quốc phòng. Cha bà T là ông Đào Xuân N có sử dụng để cất nhà để ở từ năm 1986 và có thực hiện việc kê khai, đăng ký trong Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Phước Vĩnh xác nhận năm 2001, nhưng ông N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006 ông N cho bà T sử dụng đến nay và bà T cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó không đủ điều kiện để được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Do không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên bà T được UBND huyện G hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m², hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà tạm B, nhà tạm C; 30% đơn giá xây dựng đối với 04 nhà tạm C; hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho bà Đào Thị Anh T theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện G tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Bà T khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ về đất và nâng tỷ lệ bồi thường từ 30% lên 80% đối với 04 căn nhà tạm C với tổng diện tích 22,96m² xây dựng năm 2006 là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND Ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh Bình Dương quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và điểm b.1 khoản 3 mục II Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015. Do đó Chủ tịch UBND huyện G ban

hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 bác đơn khiếu nại của bà T là có căn cứ.

Bà T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết bằng Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 bác đơn khiếu nại của bà đối với Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G là đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đào Xuân N đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Anh T yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Anh T và Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 bác đơn khiếu nại của bà đối với Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G đề bồi thường về đất bị thu hồi và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất là chưa có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông N đại diện theo ủy quyền của bà T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm: Bác yêu cầu của bà Đào Thị Anh T về yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu) và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của Đào Thị Anh T; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Xuân N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Đào Thị Anh T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu của bà Đào Thị Anh T yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T (lần đầu) và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị Anh T khiếu nại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đào Thị Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0044850 ngày 01/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của Đào Thị Anh T; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng